



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

**Các văn bản pháp lý liên quan đến
thành lập Tổng Công ty**

Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc.

Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010.

Quyết định số 3207/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quyết toán tiền thu cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa, xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP.

Giấy chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số 0100107518 ngày 30 tháng 6 năm 2010

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107518 ngày 12 tháng 1 năm 2022. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch
	Ông Tạ Mạnh Hùng	Ủy viên
	Ông Lê Hồng Hà	Ủy viên
	Ông Lê Trường Giang	Ủy viên
	Ông Hiroyuki Kometani	Ủy viên
	Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên
Ban Giám đốc	Ông Trương Văn Phước	Ủy viên
	Ông Lê Hồng Hà	Tổng Giám đốc
	Ông Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/7/2023)
	Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/6/2023)
	Ông Nguyễn Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tô Ngọc Giang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Đức Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thế Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng	

Trụ sở đăng ký Số 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 71 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, báo cáo tài chính đã thuyết minh đầy đủ các vấn đề liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành hàng không toàn cầu trong đó có Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP và các công ty con. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; kêu gọi tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp và cho thuê. Tổng Công ty đã và đang tiếp tục đề xuất Chính phủ Việt Nam thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ để đảm bảo Hãng hàng không Quốc gia duy trì hoạt động liên tục. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ vượt qua giai đoạn khó khăn và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Thay mặt Ban Giám đốc




Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

B.C.
TY
VIỆT NAM
CP
N-T.P.



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 12 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 71.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- a) Thuyết minh số 2(c) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trong đó mô tả việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 42.812 tỷ đồng, khoản phải trả đã quá hạn của Tổng Công ty và các công ty con là 14.783 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu âm (-) 12.512 tỷ đồng. Trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty và các công ty con có kết quả kinh doanh lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 1.386 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc chủ yếu vào khả năng hồi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau COVID-19 và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và bên cho thuê, cũng như khả năng thành công của đề án tái cơ cấu cùng sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2(c), cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con.
- b) Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trong đó mô tả việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về chính sách kế toán đối với các chi phí này cho năm 2023 và hiện đang áp dụng phương pháp tính và ghi nhận các chi phí này theo diễn giải của Tổng Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tổng Công ty được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần cùng các vấn đề cần nhấn mạnh tương ứng về các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con và về phương pháp tính và ghi nhận chi phí khấu hao, chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng máy bay và động cơ cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 7 tháng 12 năm 2023 và báo cáo soát xét ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-02-00231-23-2



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **27-12-2023**

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		13.260.992.421.936	12.329.950.221.266
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	2.946.890.628.877	2.490.276.442.806
Tiền	111		2.478.090.628.877	2.344.476.442.806
Các khoản tương đương tiền	112		468.800.000.000	145.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		908.322.270.067	896.630.691.696
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	908.322.270.067	896.630.691.696
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.808.935.597.527	4.897.522.587.507
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	3.774.075.166.983	3.983.027.337.240
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	211.055.683.580	238.017.088.297
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	1.041.889.030.554	884.118.225.378
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(218.084.283.590)	(207.640.063.408)
Hàng tồn kho	140	15	3.234.927.358.811	2.875.284.260.009
Hàng tồn kho	141		3.450.284.264.024	3.077.116.544.217
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(215.356.905.213)	(201.832.284.208)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.361.916.566.654	1.170.236.239.248
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	21(a)	571.735.891.732	416.870.156.281
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		780.961.763.453	744.580.776.918
Thuế phải thu Nhà nước	153	23	9.218.911.469	8.785.306.049

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		45.928.685.585.063	48.306.237.440.542
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.596.629.858.595	1.606.719.470.813
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	11	2.050.945.888	2.094.595.888
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	1.596.629.858.595	1.606.719.470.813
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	14	(2.050.945.888)	(2.094.595.888)
Tài sản cố định	220		37.495.993.234.937	40.672.004.481.125
Tài sản cố định hữu hình	221	16	14.355.573.337.096	16.032.875.218.066
Nguyên giá	222		40.432.611.137.195	40.410.251.333.312
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.077.037.800.099)	(24.377.376.115.246)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	22.986.536.038.356	24.464.670.980.070
Nguyên giá	225		42.586.410.643.542	42.585.171.948.360
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(19.599.874.605.186)	(18.120.500.968.290)
Tài sản cố định vô hình	227	18	153.883.859.485	174.458.282.989
Nguyên giá	228		809.381.155.646	805.958.491.646
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(655.497.296.161)	(631.500.208.657)
Tài sản dở dang dài hạn	240		147.776.057.396	94.019.231.444
Xây dựng cơ bản dở dang	242	19	147.776.057.396	94.019.231.444
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.825.719.042.378	1.751.061.180.082
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	20	1.250.766.870.065	1.182.959.007.769
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	648.952.172.313	648.952.172.313
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(b)	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10(a)	16.000.000.000	9.150.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		4.862.567.391.757	4.182.433.077.078
Chi phí trả trước dài hạn	261	21(b)	4.661.829.928.976	3.981.549.152.743
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.272.110.452	1.028.969.581
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		199.465.352.329	199.854.954.754
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		59.189.678.006.999	60.636.187.661.808

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		71.701.768.252.088	71.691.812.417.662
Nợ ngắn hạn	310		56.072.592.792.445	51.800.108.824.797
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22(a)	27.249.426.612.630	28.174.812.908.030
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		156.354.857.555	171.336.958.809
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	392.687.881.834	310.043.110.493
Phải trả người lao động	314		955.587.841.387	989.855.504.487
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24(a)	7.996.587.784.573	5.367.307.615.549
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25	675.469.288.606	730.319.902.881
Phải trả ngắn hạn khác	319	26(a)	2.007.863.886.978	1.890.693.945.604
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27(a)	15.958.380.861.999	13.400.052.716.447
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		11.036.263.063	9.084.834.063
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	669.197.513.820	756.601.328.434
Nợ dài hạn	330		15.629.175.459.643	19.891.703.592.865
Phải trả người bán dài hạn	331	22(b)	961.811.403.126	2.440.049.287.211
Chi phí phải trả dài hạn	333	24(b)	1.209.934.392.764	1.142.457.551.629
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.180.678.041	2.239.264.127
Phải trả dài hạn khác	337	26(b)	1.269.832.460.934	1.278.025.865.817
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27(b)	12.029.343.484.242	14.868.103.213.122
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		156.073.040.536	160.828.410.959

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(12.512.090.245.089)	(11.055.624.755.854)
Vốn chủ sở hữu	410	29	(12.512.090.245.089)	(11.055.624.755.854)
Vốn cổ phần	411	30	22.143.941.740.000	22.143.941.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.143.941.740.000	22.143.941.740.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.220.498.156.541	1.220.498.156.541
Vốn khác của chủ sở hữu	414		241.355.237.827	241.355.237.827
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.153.004.222.954)	(1.153.004.222.954)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		124.027.418.759	122.441.972.786
Quỹ đầu tư phát triển	418		933.114.412.332	932.083.454.332
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.024.298.861	2.024.298.861
Lỗi lũy kế	421		(36.596.422.665.148)	(35.072.236.866.340)
- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(35.076.612.254.575)	(22.022.657.943.690)
- Lỗi kỳ này/năm nay	421b		(1.519.810.410.573)	(13.049.578.922.650)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	31	572.375.378.693	507.271.473.093
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		59.189.678.006.999	60.636.187.661.808

Ngày 26 tháng 12 năm 2023

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Đỗ Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	44.275.301.625.888	30.119.955.227.334
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	277.564.199.696	168.791.921.472
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	33	43.997.737.426.192	29.951.163.305.862
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		41.004.758.667.117	31.914.416.353.032
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 10 - 11)	20		2.992.978.759.075	(1.963.253.047.170)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	462.284.612.340	242.482.294.105
Chi phí tài chính	22	35	1.511.432.773.526	1.676.187.796.452
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		777.102.365.441	486.776.370.384
Phần lãi trong công ty liên kết	24		69.963.698.581	70.600.575.572
Chi phí bán hàng	25	36	2.108.746.883.051	1.024.520.040.429
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	935.567.307.302	853.802.314.221
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(1.030.519.893.883)	(5.204.680.328.595)
Thu nhập khác	31	38	72.990.017.576	195.727.691.026
Chi phí khác	32	39	295.051.591.553	92.585.855.828
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(222.061.573.977)	103.141.835.198
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.252.581.467.860)	(5.101.538.493.397)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	138.490.522.723	130.017.687.018
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	41	(4.998.511.294)	5.677.053.914
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		(1.386.073.479.289)	(5.237.233.234.329)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		(1.386.073.479.289)	(5.237.233.234.329)
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		(1.518.824.473.575)	(5.167.653.223.198)
Cổ đông không kiểm soát	62		132.750.994.286	(69.580.011.131)
Lỗ trên cổ phiếu				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	42	(686)	(2.334)

Ngày 26 tháng 12 năm 2023

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ kế toán trước thuế	01	(1.252.581.467.860)	(5.101.538.493.397)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	3.241.996.278.090	1.681.693.611.567
Các khoản dự phòng	03	25.876.620.187	(57.218.602.671)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(18.388.273.743)	664.186.652.514
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(132.831.300.766)	(222.512.812.471)
Chi phí lãi vay	06	777.102.365.441	486.776.370.384
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.641.174.221.349	(2.548.613.274.074)
Biến động các khoản phải thu	09	42.862.560.742	(2.182.226.101.533)
Biến động hàng tồn kho	10	(373.397.420.236)	(2.164.118.446.091)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	386.368.718.387	10.597.051.372.213
Biến động chi phí trả trước	12	(835.146.511.684)	198.044.850.551
		1.861.861.568.558	3.900.138.401.066
Tiền lãi vay đã trả	14	(777.864.533.169)	(442.805.275.988)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(110.424.958.720)	(115.165.987.700)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(101.948.139.869)	(152.647.316.148)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	871.623.936.800	3.189.519.821.230
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(158.463.604.876)	(162.631.032.090)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	921.431.234	88.791.237.796
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(619.754.806.787)	(921.766.322.785)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	601.213.228.416	1.004.566.636.712
Tiền thu hồi cho đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	774.520.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	61.014.557.761	65.675.212.746
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(115.069.194.252)	849.155.732.379

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03a – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	16.427.857.578.890	17.691.357.794.803
Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.465.614.892.129)	(18.612.924.148.336)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.259.713.390.403)	(1.428.317.414.782)
Tiền trả cổ tức	36	(1.648.347.115)	(100.380.217.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(299.119.050.757)	(2.450.263.985.585)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	457.435.691.791	1.588.411.568.024
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	2.490.276.442.806	1.713.826.600.918
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(821.505.720)	2.315.040.432
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	2.946.890.628.877	3.304.553.209.374

Ngày 26 tháng 12 năm 2023

Người lập:

Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởngLê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09– DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc (“các đơn vị phụ thuộc”).

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và thay đổi lần thứ ba ngày 1 tháng 4 năm 2015, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam được chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất lần 9 ngày 12 tháng 1 năm 2022.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách;
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp quản lý vốn kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần và chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hàng khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác;

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không;
- Vận tải đa phương thức;
- Xuất nhập khẩu tàu bay; động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước;
- Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;
- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay;
- Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm);
- Xây dựng, tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); xuất, nhập khẩu lao động;
- Khoa học, công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử;
- Đào tạo, dạy nghề: ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ và thợ kỹ thuật hàng không; tài chính, ngân hàng; cho thuê tài chính (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi đạt điều kiện theo quy định của pháp luật.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Cấu trúc Tổng Công ty bao gồm các đơn vị trực thuộc (bao gồm các chi nhánh trong và ngoài nước), các công ty con và công ty liên kết.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty có 27 đơn vị trực thuộc, 17 công ty con và 8 công ty liên kết (1/1/2023: 26 đơn vị trực thuộc, 17 công ty con và 8 công ty liên kết).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Tạp chí Heritage
- Đoàn bay 919
- Đoàn tiếp viên
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Huấn luyện bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Chi nhánh khu vực Việt Nam
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Thái Lan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Singapore
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Malaysia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Lào
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Campuchia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Nhật Bản
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hàn Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hồng Kông
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đài Loan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Liên Bang Nga
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Úc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đức
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Pháp và Tây Âu
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Trung Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Vương Quốc Anh
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Myanmar
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Indonesia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Ấn Độ

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin chi tiết các công ty con, công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

Công ty con	Địa chỉ	30/6/2023		1/1/2023 (Trình bày lại)		Hoạt động chính	
		Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số cổ phần		% sở hữu
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Việt Nam	31.648.701	98,84%	98,84%	31.648.701	98,84%	Kinh doanh vận tải hàng không
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Việt Nam		100,00%	100,00%		100,00%	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Việt Nam		100,00%	100,00%		100,00%	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài	Việt Nam	17.027.005	60,62%	65,07%	17.027.005	60,62%	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Việt Nam	11.106.622	61,87%	61,87%	11.106.622	61,87%	Cung cấp suất ăn trên máy bay
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Việt Nam		100,00%	100,00%		100,00%	Cung cấp suất ăn trên máy bay
Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	Việt Nam	3.400.000	51,52%	51,52%	3.400.000	51,52%	Đào tạo phi công
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Việt Nam	3.060.000	52,73%	52,73%	3.060.000	52,73%	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn Nhất	Việt Nam	5.154.930	55,00%	55,00%	5.154.930	55,00%	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam		51,00%	51,00%		51,00%	Vận chuyển, giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Việt Nam	4.241.160	51,00%	51,00%	4.241.160	51,00%	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá Vinako	Việt Nam		65,05%	65,05%		65,05%	Dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải mặt đất, kho bãi
Công ty Cổ phần Cung ứng và Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Việt Nam	510.000	51,00%	51,00%	510.000	51,00%	Xuất, nhập khẩu lao động
Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam	Việt Nam	268.800	51,69%	51,69%	268.800	51,69%	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Việt Nam		100,00%	100,00%		100,00%	Dịch vụ mặt đất
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Hàng không Việt Nam Singapore (t)	Việt Nam		51,00%	51,00%		51,00%	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco (t)	Việt Nam	6.222.000	25,05%	51,00%	6.222.000	25,05%	Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hoá



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2023		1/1/2023 (Trình bày lại)		Hoạt động chính
	Số cổ phần	% sở hữu	Số cổ phần	% sở hữu	
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Máy bay Việt Nam	42.835.200	32,48%	42.835.200	32,48%	Cho thuê máy bay
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	1.285.200	41,31%	1.285.200	41,31%	Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	1.541.265	36,11%	1.541.265	36,11%	Dịch vụ phục vụ hàng không
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	1.335.400	30,41%	1.335.400	30,41%	Sản xuất sản phẩm nhựa
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất (i)	11.968.642	30,47%	11.968.642	30,47%	Dịch vụ tra nạp nhiên liệu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không	3.000.000	30,00%	3.000.000	30,00%	Dịch vụ tra nạp nhiên liệu
Nội Bài (i)					
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (i)		25,00%		25,00%	Dịch vụ mặt đất
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam (i)	378.000	8,16%	378.000	8,16%	Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ

(i) Các doanh nghiệp do các công ty con của Tổng Công ty góp vốn và nắm quyền biểu quyết trực tiếp. Theo đó, tỷ lệ phần sở hữu của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này được xác định bằng tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con trực tiếp của Tổng Công ty; tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này được xác định bằng tỷ lệ quyền biểu quyết của các công ty con trực tiếp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 18.644 nhân viên (1/1/2023: 18.714 nhân viên).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 (“Quyết định số 1913”) của Tổng Công ty và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Quyết định số 1913 được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CKKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) số 7 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết” và VAS 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con” ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con; và
- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giả định là số tồn kho của kỳ trước đã được tiêu thụ hết trong kỳ này.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 42.812 tỷ đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023: 39.470 tỷ đồng), khoản phải trả đã quá hạn của Tổng Công ty và các công ty con là 14.783 tỷ đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023: 15.396 tỷ đồng) và vốn chủ sở hữu âm (-) 12.512 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: âm (-) 11.056 tỷ đồng). Trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty và các công ty con có kết quả kinh doanh lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 1.386 tỷ đồng (6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: lỗ 5.237 tỷ đồng).

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty thường xuyên đánh giá các ảnh hưởng và triển khai các giải pháp đối phó với các khó khăn về tình hình tài chính để Tổng Công ty và các công ty con có thể duy trì khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Quản lý hoạt động

Với các diễn biến tích cực của ngành hàng không, Tổng Công ty đã vận chuyển khoảng 8,96 triệu hành khách nội địa và 2,95 triệu khách quốc tế trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, tương đương với 93,86% và 59,68% so với sản lượng hành khách năm 2019 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 8,72 triệu hành khách nội địa và 0,55 triệu khách quốc tế).

Tổng Công ty đã điều chỉnh kế hoạch sử dụng đội tàu bay, lịch bay, các chặng bay phù hợp với nhu cầu thị trường, giai đoạn cao điểm và nhu cầu du lịch, đi lại hậu COVID-19 nhằm tối ưu hóa chi phí hoạt động và đội tàu bay, tiếp tục duy trì thị phần vận tải hành khách nội địa. Tổng Công ty cũng tập trung quản lý và tập trung phát triển dịch vụ và khách hàng trong các chặng bay có doanh thu và lợi nhuận cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, hầu hết các đường bay quốc tế đã được Tổng Công ty khai thác trở lại. Ngoài ra, Tổng Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động vận tải hàng hóa nhằm tận dụng hiệu quả năng lực đội bay, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và dòng tiền hoạt động.

Đối với chi phí hoạt động, Tổng Công ty tiếp tục thực hành chính sách tối ưu chi phí, tập trung vào các chi phí gián tiếp như chi phí quản lý chung, chi phí quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại, chi phí bán hàng và các chi phí gián tiếp khác. Ngoài ra, Tổng Công ty liên tục xem xét để tối ưu quy trình dịch vụ mặt đất, dịch vụ phục vụ trên chuyến bay cũng như việc sửa chữa và bảo dưỡng động cơ và máy bay, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả kinh tế.

(ii) Nguồn vốn hoạt động

Tổng Công ty đã và đang đàm phán với các ngân hàng thương mại để có thêm hạn mức tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng hạn mức tín dụng mà Tổng Công ty đã ký với các ngân hàng thương mại là 24 nghìn tỷ VND (cho đến ngày 1 tháng 1 năm 2023: 20 nghìn tỷ VND). Trong đó hạn mức khả dụng của các khoản vay ngắn hạn là 8,2 nghìn tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023: 8,1 nghìn tỷ VND).

Trong kỳ, các ngân hàng đã đồng ý tiếp tục cấp hạn mức tín dụng cho các khoản vay ngắn hạn mà Tổng Công ty đã thanh toán đúng hạn và đáp ứng các điều kiện và quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tổng Công ty tin tưởng sẽ tiếp tục duy trì được các hạn mức tín dụng hiện tại trong năm tiếp theo cũng như đảm bảo thanh toán các khoản gốc vay đến hạn.

Đối với các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính, Tổng Công ty cũng đã đàm phán thành công với một số chủ nợ để cơ cấu lại lịch thanh toán các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính đến hạn trả.

Tổng Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán giảm giá, giãn hoãn tiến độ thanh toán với các đối tác, trong đó nhiều đối tác đã đồng ý giảm giá (đối với chi phí thuê tàu bay và bảo dưỡng...) hoặc giãn, hoãn lịch thanh toán (đối với chi phí thuê tàu bay, quản lý bay, các dịch vụ chuyến bay...).

Tổng Công ty cũng đã và đang đàm phán với một số nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa máy bay để bù trừ khoản quỹ đại tu đã thanh toán cho nhà cung cấp còn dư chưa sử dụng với khoản phải trả các nhà cung cấp này và thay thế biện pháp bảo đảm bằng L/C, qua đó, giảm khoản thanh toán bằng tiền cần huy động thêm cho nhà cung cấp khi đến hạn.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Một mặt, Tổng Công ty đang tích cực tìm kiếm các nguồn tài chính để thanh toán các khoản nợ quá hạn nhà cung cấp với số tiền 14.783 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Thuyết minh số 22). Mặt khác, Tổng Công ty cũng đang tiếp tục đàm phán và kêu gọi sự hỗ trợ của các đối tác trong việc giảm và giãn hoãn thời hạn thanh toán đối với các khoản nợ quá hạn. Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng các đối tác đã và vẫn đang hỗ trợ tích cực Tổng Công ty trong những năm qua và trong thời gian tới.

(iii) Đề án tái cơ cấu lại Tổng Công ty

Tổng Công ty đã hoàn thành đề án tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021 - 2025 (“đề án”) và báo cáo các cơ quan liên quan, đồng thời Tổng Công ty cũng đang trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong đề án, Tổng Công ty sẽ thực hiện đồng bộ ba (3) giải pháp để khắc phục tình trạng tài chính hiện tại bao gồm:

- Giải pháp cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh vận tải hàng không, trong đó, thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng cường thích nghi, nhanh chóng phục hồi và sử dụng hiệu quả năng lực sản xuất;
- Tái cơ cấu tài sản và thoái vốn các công ty con và công ty liên kết để gia tăng thu nhập và dòng tiền;
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ từ Chính phủ và khả năng thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021 - 2025. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc chủ yếu vào khả năng hồi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau COVID-19 và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và cho thuê, cũng như khả năng thành công của đề án tái cơ cấu. Trong các kế hoạch này có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hướng dẫn kế toán riêng áp dụng cho giai đoạn 2020-2022

Tổng Công ty áp dụng tính và ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí phân bổ tiền sửa chữa bảo dưỡng của các máy bay và động cơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, chi phí khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa, bảo dưỡng hàng tháng của từng loại máy bay ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, 2021 và 2022 được xác định theo tỷ lệ tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay so với tổng giờ khai thác theo kế hoạch của từng loại máy bay đó, như sau:

Số khấu hao được ghi nhận hàng tháng hoặc chi phí sửa chữa bảo dưỡng được phân bổ trong từng tháng của từng loại máy bay	=	Giá trị khấu hao hàng tháng của từng máy bay hoặc giá trị chi phí sửa chữa bảo dưỡng hàng tháng theo loại máy bay trong điều kiện hoạt động bình thường	X	Tổng giờ khai thác theo tháng thực tế của từng loại máy bay
				Tổng giờ khai thác theo tháng kế hoạch năm 2020 của loại máy bay đó (thời điểm hoạt động bình thường, trước khi bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19)

Đối với các động cơ dự phòng và cồng máy bay, Tổng Công ty thực hiện trích và ghi nhận chi phí khấu hao nhất quán với chính sách kế toán tài sản cố định hữu hình ở Thuyết minh 4(g).

Tổng Công ty đã gửi công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn hạch toán chi phí khấu hao và phân bổ chi phí sửa chữa, bảo dưỡng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 trở đi. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về chính sách kế toán đối với các chi phí này cho năm 2023 trở đi.

Đối với chi phí khấu hao máy bay, trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được phê duyệt riêng nêu trên tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được Tổng Công ty tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình.

Đối với chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, phần chênh lệch lũy kế giữa phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo phương pháp phân bổ được phê duyệt riêng nêu trên được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian đã được giãn hoãn tương ứng do phân bổ chậm trong các năm 2020, 2021 và 2022.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Trừ trường hợp đã được trình bày ở Thuyết minh số 3, những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn hoặc tăng vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn hoặc tăng vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Như đã được trình bày tại Thuyết minh 2(a), Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Tổng Công ty với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Tổng Công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con. Bên cạnh đó, hàng tồn kho mua bán nội bộ đang được giá định là số tồn kho của kỳ trước đã được sử dụng hết trong kỳ này.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức cho các cổ đông.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty hoặc công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí trực tiếp để bán sản phẩm.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan để nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

Giá hàng tồn kho đối với các loại vật tư, phụ tùng máy bay để sử dụng được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng máy bay tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty và các công ty con được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao thì được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Máy bay	16 – 20 năm
▪ Động cơ máy bay	10 năm
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải mặt đất	3 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ Tài sản cố định khác	4 – 7 năm

Như trình bày tại Thuyết minh 3, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao của máy bay và động cơ máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Tổng Công ty trích và ghi nhận khấu hao ghi nhận khấu hao của máy bay và động cơ máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Tổng Công ty và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính bao gồm phần mềm quản lý doanh thu vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm quản lý hàng hóa, và phần mềm kế toán. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến tám năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay đã phát sinh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh tính từ thời điểm đại tu, sửa chữa hoàn thành. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí sửa chữa bảo dưỡng là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ bên cho thuê máy bay. Chi phí sửa chữa bảo dưỡng định kỳ đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càng máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm theo phương pháp đường thẳng. Chi phí sửa chữa bảo dưỡng được ghi nhận vào chi phí trong kỳ nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Tổng Công ty trích và ghi nhận phân bổ chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay cho các năm 2020, 2021 và 2022 theo hướng dẫn kế toán riêng được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, phần chi phí chênh lệch lũy kế giữa phân bổ theo phương pháp đường thẳng và theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh số 3 được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian đã được giãn hoãn tương ứng.

Ngoài các chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ và thân máy bay ở trên, đối với chi phí sửa chữa bảo dưỡng động cơ máy bay quy định trong hợp đồng bảo dưỡng động cơ theo giờ được trích trước và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên số giờ bay thực tế

(ii) Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay

Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm:

- Các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ trong vòng hai năm;
- Các vật tư, phụ tùng quay vòng thực hiện phân bổ đều (Thuyết minh 4(f)).

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Nghĩa vụ hoàn trả máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay ký giữa Tổng Công ty hoặc các công ty con và các bên cho thuê, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của máy bay như khi được bàn giao (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên) khi hoàn trả lại máy bay cho bên cho thuê tại cuối thời hạn thuê. Theo Công văn số 11876/BTC-CĐKT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí hoàn trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh hoặc lập dự phòng hoàn trả máy bay trong thời gian thuê. Tổng Công ty hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh và không lập dự phòng cho nghĩa vụ này trong báo cáo tài chính.

(n) Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng thường xuyên

Tổng Công ty thực hiện chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên, theo đó khách hàng sẽ được tích lũy điểm thưởng khi mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ của Tổng Công ty hay một số đối tác cụ thể của Tổng Công ty. Phần doanh thu tương ứng với số điểm tích lũy mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong kỳ nếu khách hàng lấy thưởng hoặc điểm thưởng tích lũy hết hạn.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận vào một tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận vào tài khoản tương ứng thuộc vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu vận chuyển hàng không*

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản phải trả người bán trên bảng cân đối kế toán. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện.

Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyên được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được hoàn thành trong thời gian ngắn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư hoặc trước giai đoạn cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trong kỳ, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là hàng không và các hoạt động phụ trợ.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Ban Giám đốc Tổng Công ty xác định Việt Nam là quốc gia duy nhất có phát sinh doanh thu trên 10% tổng doanh thu, và do đó là một bộ phận cần được báo cáo. Tài sản, các chi phí và nợ phải trả liên quan không được phân bổ do đặc thù hoạt động ngành hàng không của Tổng Công ty và các công ty con là tài sản hầu hết được đăng ký và quản lý tại Việt Nam nhưng hoạt động ở khắp các đường bay trên toàn thế giới. Theo đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con chịu ảnh hưởng của những biến động mang tính thời vụ như nhu cầu đi lại trong các dịp nghỉ lễ mà hầu hết các dịp nghỉ lễ này diễn ra trong nửa đầu của năm. Do đó doanh thu hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong nửa đầu năm sẽ thường cao hơn trong nửa cuối năm.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực hiện có thể khác so với các ước tính kế toán này.

Các xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc sử dụng đối với việc đưa ra các ước tính kế toán của Tổng Công ty và các công ty con không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

8. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	23.649.300.355	14.120.364.696
Tiền gửi ngân hàng	2.369.441.759.435	2.254.439.154.339
Tiền đang chuyển	84.999.569.087	75.916.923.771
Các khoản tương đương tiền	468.800.000.000	145.800.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.946.890.628.877	2.490.276.442.806

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bị hạn chế sử dụng là 950 tỷ VND (1/1/2023: 879 tỷ VND).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	908.322.270.067	908.322.270.067	896.630.691.696	896.630.691.696
Tiền gửi có kỳ hạn (i)				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	16.000.000.000	16.000.000.000	9.150.000.000	9.150.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)				
	924.322.270.067	924.322.270.067	905.780.691.696	905.780.691.696

(i) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1%/năm đến 11,25%/năm (1/1/2023: 0,35% đến 8,8%/năm).

(ii) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 9,50%/năm (1/1/2023: 7,5% đến 9,55%/năm).



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	248.141.431.740	-	248.141.431.740	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và Vận tải biển Phương Nam	185.050.002.264	-	185.050.002.264	-
Công ty Cổ phần Nhà ga quốc tế Cam Ranh – Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	90.000.000.000	(90.000.000.000)	90.000.000.000	(90.000.000.000)
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	65.049.600.000	-	65.049.600.000	-
Công ty Cổ phần Kho cảng Xây dựng Hàng không miền Nam	52.000.000.000	-	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	6.161.138.309	-	6.161.138.309	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long	2.550.000.000	-	2.550.000.000	-
	648.952.172.313	(90.000.000.000)	648.952.172.313	(90.000.000.000)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty đã thế chấp một số cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ tại các công ty con/công ty liên kết niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM để đảm bảo cho một số khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 27(a)).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì:

- Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, số lượng giao dịch cổ phiếu của các đơn vị này trong kỳ rất nhỏ, do đó, giá cổ phiếu niêm yết có thể không phản ánh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư; và
- Đối với các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường, các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu của khách hàng

(a) Chi tiết phải thu của khách hàng

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách	1.761.641.580.802	1.573.306.766.020
Các hãng hàng không khác	1.105.899.863.025	1.139.812.805.151
Cước vận chuyển hàng hóa	234.640.666.090	194.339.427.919
Các khách hàng khác	673.944.002.954	1.077.662.934.038
	3.776.126.112.871	3.985.121.933.128

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngắn hạn	3.774.075.166.983	3.983.027.337.240
Dài hạn	2.050.945.888	2.094.595.888
	3.776.126.112.871	3.985.121.933.128

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	3.560.563.448	2.692.207.745
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	254.974.134	853.593.843
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	40.211.767	41.668.008
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	-	162.130.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	-	24.025.843
	3.855.749.349	3.773.626.188

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trả trước về đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	88.177.455.375	88.839.524.307
Trả trước về tiền thuê máy bay	9.377.175.403	13.601.759.983
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	113.501.052.802	135.575.804.007
	<hr/>	<hr/>
	211.055.683.580	238.017.088.297
	<hr/>	<hr/>

13. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đặt cọc thuê máy bay và động cơ máy bay ngắn hạn	101.211.236.965	274.954.808.291
Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cần trừ với Quỹ đại tu (i)	576.309.425.230	311.116.882.764
Phải thu từ các hợp đồng cho thuê lại	119.519.018.122	115.608.161.834
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.211.178.347	-
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	59.137.012.401	338.132.635
Phải thu khác	184.501.159.489	182.100.239.854
	<hr/>	<hr/>
	1.041.889.030.554	884.118.225.378
	<hr/>	<hr/>

- (i) Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cần trừ với Quỹ đại tu phản ánh các khoản chi phí sửa chữa phát sinh thực tế mà Tổng Công ty và các công ty con ước tính có thể thu được từ đối tác cho thuê máy bay. Khi thanh quyết toán chi phí sửa chữa, phần không thu lại được từ đối tác cho thuê sẽ được Tổng Công ty và các công ty con hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay dài hạn (ii)	1.393.543.236.974	1.418.775.727.537
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác	198.501.398.638	174.799.483.594
Phải thu dài hạn khác	4.585.222.983	13.144.259.682
	<hr/>	<hr/>
	1.596.629.858.595	1.606.719.470.813

(ii) Khoản tiền Tổng Công ty và các công ty con đặt cọc để thuê máy bay và động cơ máy bay sẽ được hoàn trả khi hết thời hạn thuê.

(c) Phải thu khác từ các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	505.786.185.440	389.733.230.473
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	234.388.208.352	-	523.323.280.962	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.203.930.872.018	(215.356.905.213)	1.110.251.488.418	(201.832.284.208)
Công cụ và dụng cụ	39.182.014.543	-	63.604.589.678	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	101.107.019.485	-	75.513.297.227	-
Hàng hóa (*)	1.843.560.366.194	-	1.291.171.708.714	-
Hàng hóa kho bảo thuế	27.716.639.430	-	12.741.567.689	-
Hàng gửi đi bán	399.144.002	-	510.611.529	-
	3.450.284.264.024	(215.356.905.213)	3.077.116.544.217	(201.832.284.208)

(*) Hàng hóa tồn kho chủ yếu là xăng dầu Jet A1 tại Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam, một công ty con của Tổng Công ty.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 234.138 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2023: 235.815 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Máy bay, động cơ máy bay VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải mặt đất VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	29.786.510.650.115	2.979.343.178.598	4.198.789.059.769	2.021.159.305.778	1.086.075.810.176	338.373.328.876	40.410.251.333.312
Tăng trong kỳ	-	44.030.000	30.770.015.049	19.819.380.000	2.919.241.004	6.399.091	53.559.065.144
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	846.444.087	2.300.759.102	3.725.749.310	605.130.369	240.700.000	-	7.718.782.868
Thanh lý	-	(762.113.701)	(4.562.011.010)	(23.381.399.084)	(1.427.606.132)	(9.104.734.256)	(39.237.864.183)
Điều chỉnh nguyên giá	-	(37.240.166)	-	-	357.060.220	-	319.820.054
Số dư cuối kỳ	29.787.357.094.202	2.980.888.613.833	4.228.722.813.118	2.018.202.417.063	1.088.165.205.268	329.274.993.711	40.432.611.137.195
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	16.981.814.178.840	1.507.922.187.871	3.393.684.068.673	1.378.629.766.338	883.346.172.501	231.979.741.023	24.377.376.115.246
Khấu hao trong kỳ	1.460.151.884.568	57.324.680.451	110.379.142.814	61.554.428.435	42.247.758.282	7.241.654.486	1.738.899.549.036
Thanh lý	-	(762.113.701)	(4.562.011.010)	(23.381.399.084)	(1.427.606.132)	(9.104.734.256)	(39.237.864.183)
Số dư cuối kỳ	18.441.966.063.408	1.564.484.754.621	3.499.501.200.477	1.416.802.795.689	924.166.324.651	230.116.661.253	26.077.037.800.099
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	12.804.696.471.275	1.471.420.990.727	805.104.991.096	642.529.539.440	202.729.637.675	106.393.587.853	16.032.875.218.066
Số dư cuối kỳ	11.345.391.030.794	1.416.403.859.212	729.221.612.641	601.399.621.374	163.998.880.617	99.158.332.458	14.355.573.337.096

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản cố nguyên giá 8.669.623 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 5.465.091 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.072.755 triệu VND (1/1/2023: 12.940.579 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 27).

Cho năm tài chính 2020, 2021 và 2022, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 3. Phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 sẽ tăng 1.874 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023: tăng 2.161 tỷ VND); khoản mục giá vốn hàng bán và lỗ sau thuế TNDN trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 sẽ giảm với số tiền là 665 tỷ VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: tăng 276 tỷ VND).

17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy bay và động cơ máy bay VND	Máy móc, thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	42.581.459.504.360	3.712.444.000	42.585.171.948.360
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.238.695.182	-	1.238.695.182
Số dư cuối kỳ	42.582.698.199.542	3.712.444.000	42.586.410.643.542
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	18.118.273.501.898	2.227.466.392	18.120.500.968.290
Khấu hao trong kỳ	1.479.002.392.494	371.244.402	1.479.373.636.896
Số dư cuối kỳ	19.597.275.894.392	2.598.710.794	19.599.874.605.186
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	24.463.186.002.462	1.484.977.608	24.464.670.980.070
Số dư cuối kỳ	22.985.422.305.150	1.113.733.206	22.986.536.038.356

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty đang thuê tài chính 24 máy bay bao gồm các loại máy bay A321 và B787. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy bay này theo các điều kiện của hợp đồng thuê tài chính.

Cho năm tài chính 2020, 2021 và 2022, Tổng Công ty trích khấu hao máy bay và động cơ máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 3. Phần chênh lệch lũy kế giữa khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 được tiếp tục phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính còn lại của tài sản cố định hữu hình.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 sẽ tăng 3.857 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023: tăng 3.945 tỷ VND); khoản mục giá vốn hàng bán và lỗ sau thuế TNDN trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 sẽ giảm với số tiền là 263 tỷ VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: tăng 449 tỷ VND).

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	73.246.777.206	706.826.483.060	25.885.231.380	805.958.491.646
Tăng trong kỳ	599.400.000	2.742.395.000	-	3.341.795.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	80.869.000	-	80.869.000
Số dư cuối kỳ	73.846.177.206	709.649.747.060	25.885.231.380	809.381.155.646
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	4.267.820.893	626.547.156.384	685.231.380	631.500.208.657
Khấu hao trong kỳ	56.929.830	23.940.157.674	-	23.997.087.504
Số dư cuối kỳ	4.324.750.723	650.487.314.058	685.231.380	655.497.296.161
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	68.978.956.313	80.279.326.676	25.200.000.000	174.458.282.989
Số dư cuối kỳ	69.521.426.483	59.162.433.002	25.200.000.000	153.883.859.485

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 458.850 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 452.385 triệu VND).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	94.019.231.444	146.060.878.602
Tăng trong kỳ	60.861.604.622	8.463.095.598
Chi phí lãi vay vốn hóa	1.314.265.526	-
Chuyển từ hàng tồn kho	619.302.854	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.718.782.868)	(16.771.666.936)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(1.238.695.182)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(80.869.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(2.196.009.045)
Xóa sổ	-	(2.196.009.049)
Số dư cuối kỳ	147.776.057.396	133.360.289.170

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phần mềm MRO đang trong quá trình lắp đặt	83.188.606.693	46.938.487.200
Kinh phí hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng khu đất	17.837.109.000	17.837.109.000
hợp tác giai đoạn 2 phần diện tích 1.045ha	12.684.559.258	-
Thi công sửa chữa, cải tạo Hangar 2 Nội Bài	5.434.018.945	5.427.022.945
Kho xăng dầu sân bay Phú Bài	28.631.763.500	23.816.612.299
Các dự án khác		
Tổng cộng	147.776.057.396	94.019.231.444

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 1.314 triệu VND.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Đầu tư vào công ty liên kết	Địa chỉ	30/6/2023		1/1/2023	
		Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	439.335.275.853	1.029.319.869.480	439.335.275.853	965.081.628.476
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	Việt Nam	119.686.420.000	145.960.840.659	119.686.420.000	143.387.213.027
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	86.652.841.772	10.443.669.566	86.652.841.772	9.997.353.750
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	Việt Nam	30.000.000.000	36.074.572.087	30.000.000.000	35.643.324.977
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Việt Nam	22.812.300.000	14.864.271.838	22.812.300.000	14.745.293.212
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	Việt Nam	17.000.000.000	-	17.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	14.266.335.863	13.354.000.000	14.266.335.863	13.354.000.000
Công ty Cổ phần Dầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	Việt Nam	1.280.000.000	749.646.435	1.280.000.000	750.194.327
		731.033.173.488	1.250.766.870.065	731.033.173.488	1.182.959.007.769

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	1.182.959.007.769	928.195.500.637
Lãi trong công ty liên kết phát sinh trong kỳ	69.963.698.581	70.600.575.572
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ các hoạt động ở nước ngoài	1.585.445.973	9.974.017.228
Biến động khác	(3.741.282.258)	6.980.327.035
Số dư cuối kỳ	1.250.766.870.065	1.015.750.420.472

21. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí thuê máy bay, động cơ máy bay và các tài sản khác	457.419.846.626	295.002.564.585
Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển (*)	39.838.432.576	41.170.672.123
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	74.477.612.530	80.696.919.573
Tổng cộng	571.735.891.732	416.870.156.281

(*) Đây là khoản hoa hồng của các chứng từ vận chuyển đã bán nhưng dịch vụ vận chuyển chưa được thực hiện. Khoản trả trước này sẽ được hạch toán vào chi phí khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện hoặc khi các chứng từ vận chuyển đã hết hạn.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)
Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn	Chi phí sửa chữa lớn thân và động cơ máy bay VND	Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay VND	Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ quay vòng VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	2.714.344.404.476	670.556.991.140	378.486.214.555	218.161.542.572	3.981.549.152.743
Tăng trong kỳ	1.752.140.877.112	-	263.447.688.889	43.092.686.080	2.058.681.252.081
Phân bổ trong kỳ	(1.076.754.267.491)	(105.192.650.272)	(112.685.023.452)	(57.511.929.586)	(1.352.143.870.801)
Thanh lý	(26.256.605.047)	-	-	-	(26.256.605.047)
Số dư cuối kỳ	3.363.474.409.050	565.364.340.868	529.248.879.992	203.742.299.066	4.661.829.928.976

Cho năm tài chính 2020, 2021 và 2022, Tổng Công ty phân bổ chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay theo hướng dẫn kế toán riêng trình bày tại Thuyết minh số 3. Phần chênh lệch lũy kế giữa phương pháp phân bổ theo đường thẳng và phương pháp phân bổ được trình bày tại Thuyết minh số 3 tới ngày 1 tháng 1 năm 2023 đang được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian đã được giãn hoãn tương ứng.

Nếu Tổng Công ty áp dụng chính sách phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay trong các năm 2020, 2021 và 2022, khoản mục Chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 sẽ giảm 998 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: giảm 691 tỷ đồng), theo đó, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp và lỗ sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ giảm với số tiền là 584 tỷ đồng (kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: tăng 411 tỷ đồng).



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả người bán

(a) Chi tiết phải trả người bán – ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả nhà cung cấp	16.938.800.055.948	17.596.438.023.663
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO (i)	8.728.849.504.122	8.859.621.600.528
Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii)	1.291.315.300.347	1.387.029.973.014
Phải trả Interlines	270.205.394.249	305.289.826.420
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng hóa	20.256.357.964	26.433.484.405
	27.249.426.612.630	28.174.812.908.030

- (i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã mua các dịch vụ nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- (ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị Tổng Công ty và các công ty con phải trả cơ quan thuế hoặc nhà quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

(b) Chi tiết phải trả người bán – dài hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ (*)	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả tiền thuê máy bay dài hạn	961.811.403.126	2.440.049.287.211

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	1.133.434.030.652	621.098.536.346
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	47.757.396.220	37.116.728.867
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	19.307.263.893	20.711.588.350
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	14.892.930.805	16.821.516.788
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	1.039.435.650	-
	1.216.431.057.220	695.748.370.351

Khoản phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo thỏa thuận.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán của Tổng Công ty và các công ty con là 14.783 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023: 15.396 tỷ đồng). Đến ngày báo cáo này, 5.136 tỷ VND nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán đã được các nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ chấp nhận cơ cấu lại kỳ hạn thanh toán sang các năm tiếp theo. Ngoài ra, Tổng Công ty và các công ty con cũng đã thỏa thuận bù trừ một phần khoản phải trả với quỹ đại tu đã nộp cho bên cho thuê.

Khả năng trả nợ của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và cho thuê (Thuyết minh 2(c)).

23. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2023		Số phải nộp trong kỳ sau khi bù trừ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2023	
	Phải thu VND	Phải nộp VND			Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế						
Thuế giá trị gia tăng	-	105.126.187.309	759.928.580.007	(719.832.607.351)	-	145.222.159.965
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	5.604.376.430	(5.604.376.430)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.879.513.168	80.612.994.888	142.569.805.327	(110.424.958.720)	2.145.380.631	113.023.708.958
Thuế thu nhập cá nhân	5.502.441.833	45.087.822.578	279.685.503.323	(277.222.583.867)	6.078.265.282	48.126.565.483
Thuế tài nguyên	177.158.240	-	-	-	177.158.240	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.224.192.808	-	32.587.207.348	(31.796.703.597)	770.375.799	336.686.742
Thuế bảo vệ môi trường	-	70.752.434.000	420.746.125.000	(411.232.929.000)	-	80.265.630.000
Thuế nhà thầu	-	8.463.671.718	49.763.457.910	(52.592.868.087)	45.731.517	5.679.993.058
Các khoản phải nộp khác						
Phí, lệ phí	2.000.000	-	866.504.990	(833.367.362)	2.000.000	33.137.628
	8.785.306.049	310.043.110.493	1.691.751.560.335	(1.609.540.394.414)	9.218.911.469	392.687.881.834

Theo Biên bản thanh tra thuế ngày 28 tháng 4 năm 2011 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines (“PA”), một công ty con của Tổng Công ty, phải thanh toán cho Ngân sách Nhà nước số tiền nợ thuế tăng thêm cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 303 tỷ đồng, trong đó nợ thuế và tiền phạt thuế lần lượt là 186 tỷ đồng và 117 tỷ đồng. Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 02 năm 2013, PA đã thanh toán một phần khoản nợ thuế này với số tiền là 63,5 tỷ đồng, đây là khoản tiền nợ thuế liên quan tới giai đoạn sau khi Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, đầu tư vào PA (sau ngày 31 tháng 7 năm 2007).

Theo Công văn số 3106/TCT-QLN do Tổng cục Thuế ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2012, PA được phép hoãn thanh toán khoản phạt thuế cho đến khi có các hướng dẫn khác. Ngày 04 tháng 02 năm 2013, Bộ Tài chính gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh Công văn số 1894/BTC-TCT. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng việc cưỡng chế đối với khoản nợ thuế 127,8 tỷ đồng trước ngày 31 tháng 7 năm 2007 của PA cho đến khi có hướng dẫn mới.

Tổng Công ty và PA vẫn đang tiếp tục làm việc và giải trình theo yêu cầu của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về khoản nợ thuế này

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả – ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	5.171.235.509.422	3.188.822.099.883
Chi phí lãi vay	191.744.229.368	191.192.131.570
Chi phí phục vụ chuyến bay	175.552.658.653	146.877.345.541
Chi phí nhiên liệu	3.043.776.616	5.037.794.072
Các khoản trích trước khác	2.455.011.610.514	1.835.378.244.483
	<hr/>	<hr/>
	7.996.587.784.573	5.367.307.615.549

(b) Chi phí phải trả – dài hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	1.209.934.392.764	1.142.457.551.629
	<hr/>	<hr/>

(c) Chi phí phải trả các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	251.445.000	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản chi phí phải trả các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và phải trả theo thỏa thuận.

25. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Chương trình khách hàng thường xuyên	633.482.611.274	699.302.310.794
Khác	41.986.677.332	31.017.592.087
	<hr/>	<hr/>
	675.469.288.606	730.319.902.881

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Nhận quỹ đại tu	1.141.911.035.645	1.286.922.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	203.685.768.999	165.014.361.790
Cổ tức phải trả	63.685.082.927	14.360.322.312
Các khoản phải trả, phải nộp khác	598.581.999.407	424.397.261.502
	2.007.863.886.978	1.890.693.945.604

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Nhận quỹ đại tu và đặt cọc tiền thuê máy bay	807.104.073.809	816.316.336.339
Nhận trước khoản hỗ trợ tín dụng được cấp theo	306.861.245.824	306.861.245.824
hợp đồng vật liệu và sửa chữa động cơ máy bay	155.867.141.301	154.848.283.654
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
	1.269.832.460.934	1.278.025.865.817

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay		
Đà Nẵng	36.385.796	9.349.637.920
	36.385.796	9.349.637.920

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27.	Vay và nợ thuê tài chính	1/1/2023		30/6/2023	
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
(a)	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
	Vay ngắn hạn	9.138.049.078.606	16.364.855.737.433	(14.757.632.345.438)	10.751.565.132.836
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 27(b)(i))	1.334.068.207.606	802.129.436.092	(694.701.929.009)	1.444.442.908.449
	Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 27(b)(ii))	2.927.935.430.235	2.087.107.733.201	(1.259.713.390.403)	3.762.372.820.714
		13.400.052.716.447	19.254.092.906.726	(16.712.047.664.850)	15.958.380.861.999

Khả năng trả nợ của Tổng Công ty và các công ty con sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc được gia hạn thanh toán các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các khoản phải trả cho nhà cung cấp và cho thuê (Thuyết minh 2(c)).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)	VND	2,3% - 8%	2.398.988.714.593	1.999.999.996.629
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	VND	2,5% - 10%	2.124.131.440.370	1.272.433.063.230
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,5% - 8%	1.511.567.846.604	1.888.073.345.733
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	VND	2,5%	999.999.999.874	999.999.999.874
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	6,6%-10%	711.020.595.638	578.892.509.486
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	VND	8,0%	598.110.807.912	500.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	6,6%-10%	491.938.786.662	223.410.396.742
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	USD	4% - 4,5%	426.793.677.139	142.350.201.291
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	5,5% - 8,9%	372.232.226.129	198.558.242.604
Ngân hàng Quân Đội	USD	6,6%-10%	349.591.513.886	421.365.461.355
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	3,6%	242.990.853.225	242.815.933.613
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	4,5%	215.926.691.377	216.280.566.394
Kestrel Aviation Ireland No.1 Limited	USD	3,7% - 4,2%	202.615.928.275	99.615.873.815
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIBBank)	USD	7,73% - 8,2%	76.914.583.675	254.253.487.840
Ngân hàng Quân Đội	VND	Lãi suất 12 tháng + 2%	28.741.467.477	100.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	8,5%	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	VND			
			10.751.565.132.836	9.138.049.078.606

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay tái cấp vốn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, với tổng hạn mức của các khoản vay là 4.000 tỷ VND theo Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 5 tháng 4 năm 2021 với lãi suất cho vay là 0%/năm và phí quản lý hàng năm là từ 2,3% đến 2,5% và được đảm bảo bằng tài sản bao gồm tàu bay, động cơ và cổ phiếu của Tổng Công ty tại các công ty con/công ty liên kết đã niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM.

Ngoài các khoản vay tái cấp vốn, các khoản vay ngắn hạn khác có lãi suất năm theo quy định của các hợp đồng và thoả thuận tương ứng. Trong số các khoản vay ngắn hạn này, khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng tài sản là 1.456 tỷ VND ((1/1/2023: 1.679 tỷ VND) (Thuyết minh số 16). Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn (i)	5.687.595.658.948	6.329.502.888.095
Nợ thuế tài chính dài hạn (ii)	11.548.563.554.457	12.800.603.962.868
	<u>17.236.159.213.405</u>	<u>19.130.106.850.963</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	5.206.815.729.163	4.262.003.637.841
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>12.029.343.484.242</u>	<u>14.868.103.213.122</u>



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	USD	2024 - 2028	2.921.148.687.836	3.235.524.085.567
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	2024 - 2028	888.977.850.709	1.015.807.883.611
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	USD	2028	614.040.192.000	660.714.240.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2024 - 2028	359.594.545.970	380.242.030.386
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	VND	2024 - 2029	285.215.881.417	331.570.661.057
Ngân hàng liên doanh Việt - Nga	USD	2026	212.635.426.010	231.751.082.200
Ngân hàng TMCP Indovina	USD	2026	178.698.828.000	194.763.624.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2024 - 2028	59.695.735.926	69.495.735.927
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	2024 - 2027	56.213.157.862	71.636.636.870
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	2024	38.468.429.763	52.785.077.726
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	2025-2026	30.942.585.674	36.125.059.864
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	VND	2025-2026	29.090.526.157	34.310.310.043
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	VND	2025	9.301.510.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	2024	3.572.301.624	4.997.011.194
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	2023	-	9.340.449.650
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	2023	-	439.000.000
			5.687.595.658.948	6.329.502.888.095
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			1.444.442.908.449	1.334.068.207.606
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			4.243.152.750.499	4.995.434.680.489

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Bao gồm khoản vay hợp vốn của 3 ngân hàng trong nước do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đầu mối cấp tín dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số dư các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 3.706 tỷ VND (1/1/2023: 4.208 tỷ VND) (Thuyết minh số 16), các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con chịu lãi suất năm trong kỳ như sau:

- Các khoản vay dài hạn bằng VND: từ 6,6% đến 13,4%;
- Các khoản vay dài hạn bằng USD: từ 3,7% đến 8,73%.

(ii) **Các khoản nợ thuê tài chính**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tập đoàn ING	6.086.542.790.895	6.964.097.015.790
Ngân hàng Citibank	2.837.848.678.236	3.076.989.947.125
Ngân hàng MUFG	1.135.028.125.000	1.237.425.000.000
Ngân hàng HSBC	792.234.952.182	791.731.089.626
Ngân hàng JP Morgan Chase	696.909.008.144	730.360.910.327
	<hr/>	<hr/>
	11.548.563.554.457	12.800.603.962.868

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số dư các khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng bảo lãnh của Bộ Tài chính là 10.414 tỷ VND (1/1/2023: 11.563 tỷ VND), các khoản nợ thuê tài chính còn lại được bảo đảm bằng tài sản thuê tài chính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ có số dư là 489.657.136 USD (1/1/2023: 543.088.840 USD).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang trên như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2023

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	4.413.633.156.581	651.260.335.867	3.762.372.820.714
Trong năm thứ 2	3.584.689.859.516	412.176.562.636	3.172.513.296.880
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	4.887.067.637.882	376.574.576.019	4.510.493.061.863
Sau 5 năm	106.219.732.247	3.035.357.247	103.184.375.000
	12.991.610.386.226	1.443.046.831.769	11.548.563.554.457

Ngày 1 tháng 1 năm 2023

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	3.577.435.636.036	649.500.205.801	2.927.935.430.235
Trong năm thứ 2	4.321.934.333.344	467.608.128.473	3.854.326.204.871
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	6.294.372.734.646	482.267.918.665	5.812.104.815.981
Sau 5 năm	215.371.469.893	9.133.958.112	206.237.511.781
	14.409.114.173.919	1.608.510.211.051	12.800.603.962.868

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này chủ yếu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	756.601.328.434	1.025.547.811.023
Trích lập trong kỳ	14.048.258.011	12.948.354.926
Nhận từ lợi nhuận BCC giữ lại	770.062.590	1.813.791.107
Sử dụng trong kỳ	(101.948.139.869)	(157.282.976.785)
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	(273.995.346)	(273.995.346)
Số dư cuối kỳ	669.197.513.820	882.752.984.925

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Tuần dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lãi lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	81.746.409.909	931.333.809.451	2.024.298.861	(21.961.482.950.684)	1.506.412.478.951
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(5.167.653.223.198)	(5.167.653.223.198)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	749.644.881	-	(749.644.881)	(8.403.147.781)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	9.974.017.228	-	-	-	9.974.017.228
(Thuyết minh 4(b)(ii))	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Ảnh hưởng của giao dịch thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(1.749.214.381.934)	(1.749.214.381.934)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(16.753.442.215)	(16.753.442.215)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	91.720.427.137	932.083.454.332	2.024.298.861	(28.904.256.790.693)	(5.425.637.698.949)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	122.441.972.786	932.083.454.332	2.024.298.861	(35.072.236.866.340)	(11.562.896.228.947)
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(1.518.824.473.575)	(1.518.824.473.575)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	1.030.958.000	-	(1.030.958.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(8.139.098.493)	(8.139.098.493)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	1.585.445.973	-	-	-	1.585.445.973
(Thuyết minh 4(b)(ii))	-	-	-	-	-	-	-	3.808.731.260	3.808.731.260
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	22.143.941.740.000	1.220.498.156.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	124.027.418.759	933.114.412.332	2.024.298.861	(36.596.422.665.148)	(13.084.465.623.782)

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30.

Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2023	1/1/2023
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
	VND	VND
Vốn cổ phần được duyệt	2.214.394.174	2.214.394.174
	22.143.941.740.000	22.143.941.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành	2.214.394.174	2.214.394.174
Cổ phiếu phổ thông	2.214.394.174	2.214.394.174
Số cổ phiếu đang lưu hành	2.214.394.174	2.214.394.174
Cổ phiếu phổ thông	2.214.394.174	2.214.394.174

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 9 ngày 12 tháng 01 năm 2022, tổng vốn cổ phần của Tổng Công ty là 22.143.941.740.000 VND.



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày 30/6/2023 VND	Số vốn góp tại ngày 1/1/2023 VND
Cổ đông Nhà nước	1.222.368.291	55,20	12.223.682.910.000	12.223.682.910.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	689.488.080	31,14	6.894.880.800.000	6.894.880.800.000
Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holding Incorporation (ANA)	124.438.698	5,62	1.244.386.980.000	1.244.386.980.000
Các cổ đông khác	178.099.105	8,04	1.780.991.050.000	1.780.991.050.000
	2.214.394.174	100	22.143.941.740.000	22.143.941.740.000

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	507.271.473.093	(982.201.984.996)
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	132.750.994.286	(69.580.011.131)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.909.159.518)	(6.358.998.252)
Cổ tức	(61.572.002.593)	(162.874.412.830)
Ảnh hưởng của giao dịch tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	1.749.214.381.934
Biến động khác	(165.926.575)	-
Số dư cuối kỳ	572.375.378.693	528.198.974.725

32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	11.347.183.970.580	9.998.498.037.419
Trong vòng 2 đến 5 năm	40.864.937.523.953	38.732.938.117.647
Sau 5 năm	30.394.644.520.136	40.309.021.735.701
	82.606.766.014.669	89.040.457.890.767

Tài sản thuê hoạt động là máy bay tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

- Máy bay A321 – 8 chiếc thuê khô;
- Máy bay A321 NEO – 23 chiếc thuê khô;
- Máy bay ATR72 – 1 chiếc thuê khô;
- Máy bay A350 – 14 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-9 – 4 chiếc thuê khô; và
- Máy bay B787-10 – 4 chiếc thuê khô;
- Máy bay A320 – 11 chiếc thuê khô;

Tài sản thuê hoạt động là động cơ có các khoản thanh toán tiền thuê phụ thuộc vào vòng đời và giờ bay. Tài sản thuê hoạt động là động cơ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

- Động cơ máy bay thuê dài hạn – 13 chiếc gồm 2 động cơ máy bay A321, 3 động cơ máy bay A321 NEO, 3 động cơ máy bay A350, 2 động cơ máy bay B787 và 3 động cơ máy bay A320; và

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/IT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Động cơ máy bay thuê ngắn hạn – 23 chiếc gồm 6 động cơ máy bay A321, 15 động cơ máy bay A321 NEO, 2 động cơ máy bay B787.

(b) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/6/2023		1/1/2023	
		Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	USD	53.192.907	1.226.827.261.749	47.767.963	1.118.009.174.015
Bạt Thái Lan	THB	4.963.939	3.281.675.001	8.377.951	5.458.737.754
Nhân dân tệ Trung Quốc	CNY	8.414.694	27.401.965.609	5.919.303	19.729.036.899
Đô la Singapore	SGD	1.093.899	19.044.787.982	590.197	10.196.243.372
Đô la Úc	AUD	963.151	15.060.797.191	1.087.278	17.121.366.666
Euro	EUR	3.494.191	90.115.176.346	4.591.666	113.473.841.858
Đô la Hồng Kông	HKD	2.629.724	7.915.463.934	1.982.493	5.903.864.154
Won Hàn Quốc	KRW	1.885.054.474	33.930.772.412	2.016.887.580	36.182.963.185
Yên Nhật	JPY	266.698.776	43.738.594.958	175.097.797	30.825.967.162
Patacas Macao	MOP	2.520	7.360.920	2.520	7.411.765
Đô la Đài Loan	TWD	3.201.512	2.426.732.096	3.894.204	2.695.996.371
Bảng Anh	GBP	1.507.737	44.870.263.238	874.085	24.440.290.685
Đô la Canada	CAD	-	-	145.413	2.488.307.256
Rúp Nga	RUB	27.584.835	7.503.075.217	9.470.091	2.727.386.208
Kíp Lào	LAK	883.000	883.000	33.533.000	34.874.320
Ringit Malaysia	MYR	1.316.747	6.640.357.289	596.347	2.990.930.670
Rupiah Indonesia	IDR	2.294.465.684	3.602.311.124	3.445.021.776	5.236.433.100
Kyat Myanmar	MMK	169.102	1.860.122	-	-
			<u>1.532.369.338.188</u>		<u>1.397.522.825.440</u>

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	95.732.383.701	94.970.667.121

(d) Các nghĩa vụ theo hợp đồng

Trong kỳ và đến ngày báo cáo này, Tổng Công ty và các công ty con đã thỏa thuận chấm dứt thuê hoạt động một số tàu bay và động cơ bao gồm việc thay đổi thời gian nhận hoặc hủy nhận tàu bay thuê. Tổng Công ty và các công ty con đã đánh giá thận trọng các nghĩa vụ trong các hợp đồng và thỏa thuận, theo đó Tổng Công ty và các công ty con đánh giá không phát sinh thêm các nghĩa vụ phải trả/khoản lỗ trọng yếu liên quan đến việc chấm dứt thuê tàu bay, ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản phải trả các đơn vị cho thuê tàu bay, động cơ và cung cấp dịch vụ sửa chữa đã quá hạn thanh toán. Tổng Công ty đã đàm phán và đạt được các thoả thuận về giãn thời gian thanh toán một phần các khoản nợ quá hạn và đang tiếp tục đàm phán với một số đối tác còn lại. Tổng Công ty đã đánh giá thận trọng các nghĩa vụ/chỉ phí tiềm tàng liên quan đến vấn đề này, theo đó Tổng Công ty không phát sinh thêm các nghĩa vụ/chỉ phí nào liên quan tới đối tác hoặc bên thứ ba, phát sinh từ các khoản nợ quá hạn của Tổng Công ty, ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu vận chuyển hành khách, hành lý	31.877.007.908.913	16.370.988.689.791
▪ Doanh thu vận chuyển hàng hóa, bưu kiện	2.304.330.470.884	4.616.810.729.612
▪ Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyên	279.590.547.344	406.126.884.635
▪ Doanh thu vận chuyển hàng không khác	622.978.313.232	190.252.042.644
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu vận chuyển hàng không	35.083.907.240.373	21.584.178.346.682
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ	1.502.331.856.728	1.733.682.976.937
Bán hàng	6.943.167.441.727	6.310.091.671.330
Khác	745.895.087.060	492.002.232.385
	<hr/>	<hr/>
	44.275.301.625.888	30.119.955.227.334
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(277.564.199.696)	(168.791.921.472)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	43.997.737.426.192	29.951.163.305.862

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	38.106.910.201	61.824.371.060
Cổ tức được chia	23.839.260.750	1.288.392.175
Lãi chênh lệch tỷ giá	396.855.612.103	177.209.793.001
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.482.829.286	2.159.737.869
	<hr/>	<hr/>
	462.284.612.340	242.482.294.105

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	777.102.365.441	486.776.370.384
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	413.971.972.556	1.012.334.388.646
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	3.716.675.584
Chi phí tài chính khác	320.358.435.529	173.360.361.838
	1.511.432.773.526	1.676.187.796.452

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	296.558.706.976	217.390.556.936
Chi phí hoa hồng	144.222.548.513	42.426.688.049
Chi phí đặt vé giữ chỗ	735.058.150.186	292.951.178.861
Chi phí bán hàng khác	932.907.477.376	471.751.616.583
	2.108.746.883.051	1.024.520.040.429

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	355.670.566.117	273.815.367.798
Chi phí thuế	88.286.270.118	59.000.317.288
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	491.610.471.067	520.986.629.135
	935.567.307.302	853.802.314.221

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	966.348.125	88.799.473.664
Tiền phạt thu được	17.153.260.801	3.745.798.682
Thu nhập từ nhượng bán quyền mua và thuê lại động cơ máy bay	-	50.563.315.812
Các khoản khác	54.870.408.650	52.619.102.868
	72.990.017.576	195.727.691.026

39. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định, xây dựng cơ bản dờ dang, bất động sản đầu tư	44.916.891	-
Các khoản phạt về trả chậm, thuế	188.693.432.007	76.830.379.281
Bồi thường do vi phạm hợp đồng	98.228.264.218	6.821.703.585
Chi phí khác	8.084.978.437	8.933.772.962
	295.051.591.553	92.585.855.828

40. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	12.628.375.964.185	10.203.409.054.595
Chi phí nhân công	3.856.511.991.073	2.598.061.675.864
Chi phí khấu hao	3.241.996.278.090	1.681.693.611.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.318.240.926.899	13.078.946.714.376
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay	2.196.446.020.393	2.223.539.169.974
- Chi phí sửa chữa thường xuyên động cơ máy bay	1.554.633.070.498	986.760.941.475
- Chi phí thuê máy bay	6.032.311.223.353	5.903.278.347.315
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	7.534.850.612.655	3.965.368.255.612
Chi phí khác	570.055.311.821	391.628.980.264

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(1.252.581.467.860)	(5.101.538.493.397)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện kỳ trước	91.948.318.663	28.338.550.713
Chi phí không được khấu trừ	424.036.033.683	626.710.511.634
Thu nhập không chịu thuế	(23.456.760.750)	(1.288.392.175)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện kỳ này	(148.644.618.228)	(7.722.071.912)
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(19.206.564.769)	(33.018.902.568)
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	(69.964.772.879)	(70.600.575.572)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	65.573.791.518	(12.338.056.026)
Điều chỉnh khác	(25.148.423)	(72.488.006)
Lỗi tính thuế được sử dụng trong kỳ	(57.639.857.434)	22.590.871.782
Thu nhập chịu thuế	(989.961.046.479)	(4.548.939.045.527)
Lỗi tính thuế chưa được sử dụng trong kỳ	1.660.408.580.414	5.166.385.951.377
Thu nhập chịu thuế	670.447.533.935	617.446.905.850
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	134.089.506.787	123.489.381.170
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ	(4.998.511.294)	5.677.053.914
Chi phí thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.841.312.954	6.603.780.514
Dự phòng thiếu của các năm trước	559.702.982	(75.474.666)
	133.492.011.429	135.694.740.932

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
Lỗ thuần trong kỳ (VND)	(1.518.824.473.575)	(5.167.653.223.198)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(1.431.979.614)
Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	(1.518.824.473.575)	(5.169.085.202.812)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	2.214.394.174	2.214.394.174
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(686)	(2.334)

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận thuần được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ		
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	16.559.321.750	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	771.120.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	-	1.288.392.175
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	66.270.668.210	58.683.537.943
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	119.402.890.727	57.657.680.227
Thu nhập từ tiết kiệm hao hụt nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	7.456.246.027	719.642.966

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tiền lương và thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Ông Đặng Ngọc Hòa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	509.510.152	413.900.000
Ông Tạ Mạnh Hùng	Ủy viên Hội đồng Quản trị	408.408.178	341.600.000
Ông Lê Hồng Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị		
	Tổng Giám đốc	561.400.000	466.400.000
Ông Lê Trường Giang	Ủy viên Hội đồng Quản trị	408.408.178	341.600.000
Ông Tomoji Ishii	Ủy viên Hội đồng Quản trị		
	(miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022)	-	66.780.000
Ông Hiroyuki Kometani	Ủy viên Hội đồng Quản trị (bỏ		
	nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022)	80.343.883	1.020.000
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên Hội đồng Quản trị	80.344.806	67.800.000
Ông Trương Văn Phước	Ủy viên Hội đồng Quản trị	80.344.806	67.800.000
Ông Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	449.200.000	375.200.000
Ông Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	449.200.000	375.200.000
Ông Nguyễn Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc	449.200.000	375.200.000
Ông Lê Đức Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	449.200.000	126.400.000
Ông Nguyễn Thế Bảo	Phó Tổng Giám đốc	449.200.000	126.400.000
Ông Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng	449.200.000	375.200.000
Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng Ban Kiểm soát	408.408.178	341.600.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên Ban Kiểm soát	50.215.506	48.600.000
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên Ban Kiểm soát	256.755.076	235.400.000

44. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Tại ngày báo cáo này, Tổng Công ty và một nhà cung cấp cho thuê tàu bay đang tiếp tục thương thảo và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến thời hạn thanh toán khoản phải trả tiền thuê tàu bay, số tiền thuê phải trả và việc dừng khai thác các một số tàu bay thuê theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và công ty con đã ký với bên cho thuê.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

45. Số liệu so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Lê Hồng Hà
Tổng Giám đốc

